

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THOẠI SƠN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 21/01/2022

Về việc: “*Ly hôn,  
tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Dương Triết Minh;  
2. Ông Phan Minh Quốc.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Khuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Dáng Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 209/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021 về việc “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021, giữa:

**\* Nguyên đơn:** Bà **NĐ**, sinh năm 1978;

Địa chỉ: ấp Trung Bình, xã Thoại Giang, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.  
(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

**\* Bị đơn:** Ông **BĐ**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: ấp Trung Bình, xã Thoại Giang, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.  
(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà NĐ trình bày như sau:** bà và ông T chung sống với nhau từ năm 1994, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới, lần thứ nhất. Ông bà có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 26/12/2002.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 11/2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Tuy thời gian này, hai vợ chồng chung sống một nhà nhưng không nói chuyện, không quan tâm chăm sóc nhau. Đến đầu tháng 5/2021, bà dọn ra riêng sống. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Nhận thấy, hiện nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu ly hôn với ông T; Về con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung tên Đ, sinh ngày 27/4/1995 (hiện nay đã trưởng thành và có khả năng lao động) và P, sinh ngày 10/9/2010, hiện nay đang sống với bà. Nếu ly hôn, bà yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phát, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: vợ chồng ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Lời trình bày của ông BĐ trong quá trình giải quyết:

Vợ chồng ông bà chung sống với nhau từ năm 1994, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới, lần thứ nhất. Ông bà có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 26/12/2002. Thời gian này hai vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến tháng 11/2020, vợ ông bỏ nhà đi thành phố Hồ Chí Minh làm. Sau đó, đến Tết vợ ông trở về chung sống lại với nhau nhưng có ý định ly hôn với ông nên hai vợ chồng thỏa thuận ly thân với nhau 1 thời gian, tuy vẫn sống chung 1 nhà nhưng phần ai người đó sống. Đến ngày 5/5/2021, vợ ông lại bỏ nhà ra đi tới nay và ly thân tới nay. Nguyên nhân, ông phát hiện vợ ông có gọi điện cho người này người kia nên hai vợ chồng có cự cãi với nhau. Cuộc sống của hai vợ chồng trở nên không còn hạnh phúc nữa. Ông vẫn còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, thời gian qua Tòa án cũng tạo điều kiện cho hai vợ chồng hàn gắn nhưng không có kết quả nên nay ông đồng ý thuận tình ly hôn với bà P; Về con chung: vợ chồng ông có 02 con chung tên Đ, sinh ngày 27/4/1995 (hiện nay đã trưởng thành và có khả năng lao động) và P, sinh ngày 10/9/2010, hiện nay đang sống với vợ ông. Nếu ly hôn, ông đồng ý giao cháu Phát cho vợ ông được chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu và ông sẽ cấp dưỡng theo khả năng của mình; Về tài sản chung: vợ chồng ông tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Vợ chồng đã giải quyết xong nợ chung nên hiện nay vợ chồng ông không có nợ chung.

Do điều kiện làm việc xa nhà, tình hình dịch bệnh nên bà P bà ông T không thể đến Tòa án tham gia phiên tòa được và có đơn xin xét xử vắng mặt tại Tòa.

\* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tổ tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xem xét, quyết định. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà NĐ và ông BĐ. Về con chung: Cháu Đ, sinh ngày 27/4/1995, hiện nay đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét; giao cháu P, sinh ngày 10/9/2010 cho bà P được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Bà P yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **[1] Về tố tụng:**

Bà NĐ (là nguyên đơn trong vụ án) và ông BĐ (là bị đơn trong vụ án) có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà P và ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về hôn nhân: Bà P và ông T chung sống với nhau vào năm 1994, có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 26/12/2002 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay vợ chồng bà P và ông T phát sinh mâu thuẫn, bà P xin ly hôn nên Tòa án thụ lý, giải quyết là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 11/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi với nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng cũng cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn không cải thiện được nên đầu tháng 5/2021, bà P bỏ nhà ra đi và hai vợ chồng ly thân tới nay. Nay bà P làm đơn xin ly hôn, ông T cũng đồng ý ly hôn vì thời gian qua hai vợ chồng cũng đã cố gắng nhưng không hàn gắn được. Điều đó chứng tỏ tình cảm giữa bà P và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã tiến hành hòa giải, tạo điều kiện có thêm thời gian để có cơ hội cho ông bà đoàn tụ nhưng không được.

Xét thấy, ông T và bà P thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện không trái với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà ND và ông Huỳnh Văn Thái là phù hợp pháp luật.

**[2.2] Về con chung:**

Ông T và bà P thống nhất trình bày vợ chồng ông bà có 02 con chung tên Đ, sinh ngày 27/4/1995 (hiện nay đã trưởng thành và có khả năng lao động) và P, sinh ngày 10/9/2010. Ông bà thỏa thuận, giao cháu Phát cho bà P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và phù hợp với nguyện vọng của cháu Phát được sống với bà P. Việc thỏa thuận nuôi con khi ly hôn của ông T và bà P là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử công nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, tuy nhiên bà P không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Bà P phải tạo điều kiện cho ông T được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

**[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:** Bà P và ông T không tranh chấp tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa bà P và ông T có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

**[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.**

**[4]** Bà P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 8, 9, 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

\* Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà NĐ và ông BĐ.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 919KH, quyển số 05/2002 ngày 26/12/2002 do Ủy ban nhân dân thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn cấp cho bà NĐ và ông BĐ không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật)

\* Về con chung: Giao cháu P, sinh ngày 10/9/2010 cho bà P được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông T không phải cấp dưỡng nuôi cháu P do bà P không có yêu cầu.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

\* Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà P không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

\* Về án phí sơ thẩm: Bà NĐ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008522 ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Ông BĐ không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông T và bà P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h.Thoại Sơn;
- Chi cục THADS h.Thoại Sơn;
- UBND thị trấn Núi Sập;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Mai Thị Vân**